

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HS-ST

Ngày: 18 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chinh;

Bà Nguyễn Thị Yển;

Ông Trương Thành Quang.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Kiều Ti Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 - 4 - 2025, tại Phòng xét xử số 02, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 12/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 27/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST-QĐ ngày 27/3/2025, đối với bị cáo:

CHÂU THỊ KIM H4, sinh năm: 1976, tại tỉnh Ninh Thuận;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; Dân tộc: Chăm; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Bà ni; Con ông: Châu Minh H và bà Kiều Thị S; Chồng là: Kiều Đồng và 02 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: Không, Tạm giam: ngày 05/01/2024.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N, phân trại T.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Huỳnh Thị Tuyết T – thuộc Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh N.

Địa chỉ: Lô T - C đường C, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Các Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Số A đường T, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Lệ P, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Kiều H1, sinh năm: 1971 (đã chết);

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bà Kiều Thị Thanh V, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Kiều Thị Mỹ P1, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Bà Kiều Thị Đ, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Kiều Thị Thanh L, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

6. Bà Kiều Thị Thanh H2, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

7. Ông Kiều T2, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

8. Ông Nguyễn Hoài P2, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Số A đường T, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thủy Duy T3, sinh năm 2004;

Nơi cư trú: P tầng A Tòa A Chung cư H, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Chị Trần Thị D, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Khu phố E, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa. có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Ông Kiều Đ1, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

12. Ông Báo Đại Quốc H3, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

13. Ông Châu Minh L1, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

14. Ông Châu Minh H, sinh năm 1947;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N nhận được đơn tố giác của bà Nguyễn Thị T1, Trần Thị Lệ P tố giác Châu Thị Kim H4 cố hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, xác định:

1. Trường hợp bà Nguyễn Thị T1.

Khoảng tháng 4/2021, Châu Thị Kim H4 quen biết vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 thông qua con gái H4. Biết việc vợ chồng bà T1 có nhu cầu mua đất để làm dự án nông nghiệp nên H4 đặt vấn đề mua đất dùm vợ chồng bà T1, với hình thức sau khi mua được đất sẽ đưa cho bà T1 giấy mua bán thửa đất để bà T1 chuyển tiền mua đất.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 – 10 năm 2021, H4 nhiều lần chuyển cho bà T1 các giấy mua bán đất. Bà T1 tin tưởng nên nhiều lần chuyển tiền cho H4 với tổng số tiền 5,3 tỷ đồng (*Năm tỷ ba trăm triệu đồng*). Hai bên có lập giấy giao nhận tiền cho H4 ký nhận.

Số tiền 5,3 tỷ đồng được H4 dùng để mua 07 thửa đất. Tuy nhiên, qua xác minh thì có 03 thửa đất có việc sang nhượng đất nhưng H4 không giao đủ tiền sang nhượng đất cho người sang nhượng, 03 thửa đất thực tế không có việc sang nhượng và 01 thửa đất Hoa sang nhượng không cho bà T1, cụ thể như sau:

** 03 thửa đất có việc sang nhượng thửa đất:*

- Thửa đất có diện tích khoảng 660m² có vị trí tại thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận do ông Đạo Thanh H5 và bà Kiều Thị Thanh V sang nhượng cho Châu Thị Kim H4, thể hiện trên giấy bán đất không ghi ngày có chữ ký của bà Kiều Thị Thanh V. Thửa đất sang nhượng vào thời điểm tháng 6 năm 2020 với giá 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Thửa đất này H4 đã thanh toán số tiền 250.000.000 đồng cho bà V. Sau đó thì bà Nguyễn Thị T1 đã đến thanh toán tiếp cho bà V số tiền 120.000.000 đồng. Tổng cộng bà V đã nhận số tiền 370.000.000 đồng.

- Thửa đất có diện tích khoảng 10.000m² có vị trí tại thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận do ông Kiều H1 và bà Thị V1 sang nhượng cho Châu Thị Kim H4, thể hiện trên giấy bán đất ghi ngày 03/7/2021. Thửa đất sang nhượng vào thời điểm tháng 7/2021 với giá là 800.000.000 đồng. Thửa đất này H4 đã thanh toán được cho ông H1 là 250.000.000 đồng. Thửa đất này sau đó được bà Nguyễn Thị T1 đến thanh toán tiếp cho ông H1 là 500.000.000 đồng. Tổng cộng ông H1 đã nhận số tiền 750.000.000 đồng.

- Thửa đất có diện tích khoảng 3.797m² Châu Thị Kim H4 đã sang nhượng cho ông Nguyễn Hoài P2 (chồng bà T1), H4 đã thanh toán số tiền sang nhượng 670.000.000 đồng theo hình thức là bà T1 đưa tiền cho H4 để chuộc lại thửa đất này do H4 đã thế chấp sổ trước đó.

Như vậy, 03 thửa đất này thực tế Châu Thị Kim H4 đã thanh toán số tiền cho người bán đất là: 1.170.000.000 đồng (250.000.000 đồng + 250.000.000 đồng + 670.000.000 đồng).

** 03 thửa đất không có việc sang nhượng đất:*

- Thửa đất có diện tích 2.000m² do ông Kiều P3 và bà Kiều Thị Đ sang nhượng cho Châu Thị Kim H4, thể hiện giấy nhận tiền cọc bán đất ngày 17/6/2021.

Về thửa đất này, bà Kiều Thị Đ xác định không có việc sang nhượng thửa đất trên cho H4 như trong giấy nhận tiền cọc bán đất. Chữ ký và chữ ghi họ tên ở phần làm

giấy nhận cọc trên Giấy nhận tiền cọc bán đất ghi ngày 17/6/2021 không phải chữ ký và chữ viết của bà Đ. Ngoài ra chồng của bà Đ tên là Châu Văn P4 không phải tên Kiều P3 như trên đơn bán đất.

- Thửa đất có diện tích 2.500m² do ông Kiều T2 và vợ là Kiều Thị Thanh L sang nhượng cho vợ chồng ông Kiều Đ1 (chồng H4) thể hiện đơn bán đất ngày 07/5/2021.

Bà Kiều Thị Thanh L xác định từ trước đến nay không có việc sang nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Kiều Đ1 như trên đơn bán đất ngày 07/5/2021 đã thể hiện. Bà L xác định chữ ký và chữ ghi họ tên ở phần bên bán trên đơn bán đất không phải là chữ ký và chữ viết của bà L. Chồng bà là Trần Đ2 không phải tên Kiều T2, ông T2 là em rể bà L.

- Thửa đất có diện tích 2.500m² do ông Kiều T2 và bà Kiều Thị Thanh H2 sang nhượng vợ chồng ông Kiều Đ1 thể hiện đơn bán đất ngày 06/5/2021.

Về thửa đất này vợ chồng bà Kiều Thị Thanh H2 xác định không có việc sang nhượng đất, chữ ký và ghi họ tên ở phần bên bán đất trên đơn bán đất ghi ngày 06/5/2021 không phải là chữ ký và chữ viết của bà H2, ông T2 ký và viết.

** Thửa đất H4 sang nhượng không cho bà T1:*

Thửa đất có diện tích là 02ha có vị trí tại thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đối với thửa đất này H4 đã gian dối tự nhận thửa đất trên là của mình và bán cho bà T1 với giá là 03 tỷ đồng. Tuy nhiên, qua xác minh thửa đất này diện tích thực tế 9.344,2m², thuộc một phần thửa số 187, tờ bản đồ số 19 thuộc thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Thửa đất này đang do UBND xã A quản lý và không thuộc quyền sở hữu của H4.

Như vậy, Châu Thị Kim H4 đã nhận 5,3 tỷ đồng của bà Nguyễn Thị T1 để mua đất. Tuy nhiên, H4 chỉ sử dụng số tiền 1.170.000.000 đồng là để mua đất. Còn lại, H4 lập không 04 giấy mua bán đất, số tiền H4 không dùng vào việc mua đất mà chiếm đoạt của bà T1 là 4.130.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 223/KL-KTHS, ngày 23/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: chữ ký trên 05 Giấy nhận tiền từ ngày 22/4/2021 đến ngày 01/10/2021 là chữ ký do Châu Thị Kim H4 ký, với tổng số tiền là 5.300.000.000 đồng.

Trong 05 giấy nhận tiền có 01 Giấy nhận tiền ngày 08/9/2021 có ông Kiều Đ1 (chồng H4) ký nhận, theo yêu cầu của bà H4 và không biết gì về việc này. Do đó, Cơ quan điều tra xác định: ông Đ1 không đồng phạm với bị cáo H4 trong việc chiếm đoạt tiền của bị hại.

Tại bản Kết luận giám định số: 224, ngày 14/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Chữ viết trên 03 đơn bán đất không do Kiều Thị Mỹ P1 viết.

P1 là người làm của H4, P1 viết 03 đơn bán đất này là do H4 nhờ viết, nội dung do H4 đọc cho P1 viết. P1 không biết gì về việc mua bán đất giữa bà T1 và H4. Do đó, Cơ quan điều tra xác định P1 không đồng phạm với bị cáo H4 trong việc chiếm đoạt tiền của bị hại.

2. Trường hợp bà Trần Thị Lệ P.

Năm 2021 bà Trần Thị Lệ P quen biết với Châu Thị Kim H4 thông qua mối quan hệ quen biết ngoài xã hội.

Trong quá trình quen biết H4 đã đặt vấn đề vay mượn tiền dùng vào việc mua phân, thuốc giống để sản xuất nông nghiệp. P đã đồng ý cho H4 mượn tiền, trong thời gian từ 01/6/2021 đến ngày 15/8/2021 tổng cộng 15 lần, với tổng số tiền 1.004.500.000 đồng.

Tuy nhiên, trong 15 lần vay tiền này thì có 14 lần vay với tổng số tiền là 904.500.000 đồng, H4 đặt vấn đề vay tiền dùng vào mục đích mua phân, thuốc để sản xuất nông nghiệp thuộc công nghệ cao và sẽ chia lợi nhuận cho bà P. Việc thỏa thuận này chỉ bằng miệng và không có giấy tờ thể hiện. Do đó không đủ căn cứ xác định H4 có hành vi chiếm đoạt những lần vay tiền này.

Riêng lần vay tiền vào ngày 05/7/2021 với số tiền là 100.000.000 đồng. Khi vay tiền H4 có ký nhận đơn mượn tiền và dùng 01 Giấy sang nhượng thửa đất không để thế chấp cùng với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 25, tờ bản đồ số 16c, diện tích 130m² có vị trí tại thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận mang tên ông Báo Minh C.

Thực tế thửa đất trên chưa được sang nhượng cho H4. Ông C đã giao lại quyền sử dụng cho ông Châu Minh H (cha ruột H4) sử dụng. Ông H cũng không biết H4 đã lén lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp cho bà P từ lúc nào.

Tại bản kết luận giám định số: 188/KT-KTHS, ngày 31/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh N, xác định: Chữ ký, chữ viết tên Châu Minh H trên “*Giấy chuyển nhượng đất, không có ghi ngày*” là không phải của ông Châu Minh H ký.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị T1 và gia đình bị cáo Châu Thị Kim H4 đã thỏa thuận, bồi thường xong. Bà T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo H4.

Bị hại Trần Thị Lệ P yêu cầu Châu Thị Kim H4 trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 100.000.000 đồng.

* Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS-P2 ngày 09/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Châu Thị Kim H4 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo Châu Thị Kim H4 thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống nội dung của cáo trạng; Các bị hại xác định nội dung vụ án giống như cáo trạng đã nêu, bị hại Trần Thị Lệ P yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại;

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:*

Thông qua mối quan hệ quen biết, bị cáo đưa ra các thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của hai bị hại là 4.230.000.000đ. Hành vi của bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử lý nghiêm.

Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo”, gia đình có công với đất nước được tặng thưởng nhiều huân, huy chương và giấy khen, bằng khen; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Châu Thị Kim H4 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54 BLHS.

Xử phạt bị cáo Châu Thị Kim H4 từ 7 - 8 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị can Châu Thị Kim H4 bồi thường cho bị hại Trần Thị Lệ P số tiền là: 100.000.000 đồng.

** Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến:*

Đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận về hành vi và việc truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo là người dân tộc thiểu số, có trình độ văn hóa thấp; Có cha là người có chức sắc trong cộng đồng người Chăm, cô ruột là người có công với đất nước; Bị cáo bị bệnh mãn tính, đã vận động gia đình khắc phục thiệt hại cho bị hại T1, bị hại T1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại P có một phần lỗi, nhiều lần cho vay tiền, nhận lãi. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo về mức án.

- Bị hại Trần Thị Lệ P trình bày ý kiến:

Yêu cầu bị cáo trả lại tiền cho bị hại.

- *Bị cáo nói lời sau cùng*: bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, gây ảnh hưởng đến gia đình, mong giảm nhẹ hình phạt sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại Nguyễn Thị T1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Hoài P2, Nguyễn Thị Duy T4, Trần Thị D, Châu Minh H dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Xét thấy: Sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại đến việc giải quyết bồi thường thiệt hại và không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[3] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Châu Thị Kim H4 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo được đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy là phù hợp, có đủ cơ sở xác định:

Thông qua mối quan hệ quen biết, để tạo lòng tin cho các bị hại, bị cáo Châu Thị Kim H4 đã đưa các thông tin gian dối về thửa đất cần sang nhượng và lập khống các giấy tờ mua bán đất, để chiếm đoạt số tiền 4.130.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T1. Ngoài ra, Châu Thị Kim H4 lập khống giấy sang nhượng đất, để thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mang tên người khác) mà bị cáo lén lút lấy được, để vay tiền, nhằm chiếm đoạt 100.000.000 đồng của bà Trần Thị Lệ P. Tổng số tiền Châu Thị Kim H4 chiếm đoạt của các bị hại là 4.230.000.000 đồng.

Xét việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đối với bị cáo Châu Thị Kim H4 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Chiếm

đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Châu Thị Kim H4 là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo thực hiện hành vi “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Châu Thị Kim H4 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị T1; Bị hại Nguyễn Thị T1 có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Gia đình bị cáo có công với đất nước, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, bằng khen của nhà nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo về hình phạt.

Xét: bị cáo là người dân tộc thiểu số, có trình độ văn hóa thấp, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Châu Thị Kim H4 đã bồi thường thiệt hại cho Nguyễn Thị T1, bà T1 không có yêu cầu bồi thường nữa nên không xem xét giải quyết.

Đối với 100 triệu đồng bị cáo Châu Thị Kim H4 chiếm đoạt của bà Trần Thị Lệ P: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thỏa thuận bồi thường. Xét: đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Buộc bị cáo Châu Thị Kim H4 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà P theo đúng quy định pháp luật.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với bà Trần Thị Lệ P 14 lần cho bị cáo Châu Thị Kim H4 vay, với tổng số tiền là 904.500.000 đồng, H4 đặt vấn đề vay tiền dùng vào mục đích mua phân, thuốc để sản xuất nông nghiệp thuộc công nghệ cao và sẽ chia lợi nhuận cho bà P. Việc thỏa thuận này chỉ bằng miệng và không có giấy tờ thể hiện. Do không đủ căn cứ xác định H4 có hành vi chiếm đoạt những lần vay tiền này. Nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự các lần vay này là phù hợp.

- Đối với ông Kiều Đ1 (Chồng của Châu Thị Kim H4) và ông Châu Minh H

(Cha của H4) không biết việc H4 dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo: về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: bị cáo có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và do quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận nên bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, f khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Châu Thị Kim H4 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- **Áp dụng:** điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

- **Xử phạt:** Bị cáo Châu Thị Kim H4 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 05/01/2024.

- **Về trách nhiệm dân sự:** áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại dân sự. Buộc bị cáo Châu Thị Kim H4 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị Lệ P là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- **Về án phí:** Bị cáo Châu Thị Kim H4 phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18 - 4 - 2025). Đối với Bị hại, những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Cấp Cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Công an tỉnh Ninh Thuận (PC 06);
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KT-TT-THA; HCTP;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lâm Bách